

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22 /2023/HS-ST

Ngày: 27/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngoan

Ông Phạm Văn Dục.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Âu Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2023, tại Phòng xử án Hình sự, Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2023/TLST-HS ngày 03/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HS ngày 12/4/2023 đối với các bị cáo:

1. Lầu Mí L, sinh năm 1987 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Lầu Nhà T (đã chết) và bà Sùng Thị L1, sinh năm 1964; có vợ là Sùng Thị C, sinh năm 1984 và 04 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo ra đầu thú ngày 12/11/2022, bị tạm giữ từ ngày 13/11/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

2. Sùng Mí G, sinh năm 1995 tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn S, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Mông; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Sùng Sía M, sinh năm 1966 (đã chết tháng 2/2023) và bà Già Thị C1 (không nhớ năm sinh); vợ là Vừ Thị L2, sinh năm 1995 và 05 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 27/7/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lầu Mí L: Ông Nguyễn Xuân G - Trợ giúp viên

pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng Mí G: Ông Cao Xuân B - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Sùng Thị C, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn S, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang (*vợ bị cáo L*); có mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Toàn T1; có mặt.

Người phiên dịch: Bà Sùng Thị C2. Địa chỉ: Tổ 08, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng từ đầu tháng 7/2022, có 10 công dân Trung Quốc, gồm: ⁽¹⁾ AN YU XING (An Vũ T - nữ giới;), sinh năm 2006, trú tại khu tự trị dân tộc HMông, huyện H, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; ⁽²⁾ ZHOU ZI ZI (Châu Tự L3 - nam giới), sinh năm 1992; trú tại thành phố T, tỉnh H, Trung Quốc; ⁽³⁾ HUANG DONG LING (Hoàng Đông L4 - nam giới), sinh năm 1992, trú tại khu tự trị dân tộc Dao, huyện Đ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; ⁽⁴⁾ TAN SHENG (Đàm T2 - nam giới), sinh năm 1992; ⁽⁵⁾ YU WEN DING (Dư Văn Đ1 - nam giới), sinh năm 2003; ⁽⁶⁾ QIN LIAO WEI (Đàm Liễu D - nữ giới), sinh năm 2006; ⁽⁷⁾ CHEN ZI HUA (Trần Tử H - nam giới), sinh năm 2004, cùng trú tại thành phố Hà Trì, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; ⁽⁸⁾ ZENG NING DIAN (Đặng Ninh Đ2 - nam giới), sinh năm 2001, trú tại thành phố C, tỉnh H, Trung Quốc; ⁽⁹⁾ LIU JIANG SONG (Lưu Giang T - nam giới), sinh năm 1998, trú tại khu tự trị dân tộc Mông, huyện T, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc; ⁽¹⁰⁾ CHEN ZHEN FU (Trần Trần P - nam giới), sinh năm 2005, trú tại L, Quảng Tây, Trung Quốc. Do có nhu cầu tìm việc làm để kiếm tiền nên đã truy cập vào các hội nhóm trên mạng xã hội như QQ, baidu.com và được cơ sở môi giới việc làm giới thiệu công việc ở biên giới Việt Nam - Trung Quốc và các nước như Campuchia, Lào... sau đó được những người môi giới bố trí xe ô tô, người đưa đường và yêu cầu đi theo chỉ dẫn để đến nơi làm việc.

Ngày 18/7/2022, số công dân trên được người môi giới bố trí xe ô tô đưa đến địa điểm tập kết bên Trung Quốc để đợi người đến đón. Tối muộn cùng ngày khi xuống xe tại khu vực có địa hình đồi núi không rõ địa danh có một người đàn ông biết nói tiếng Trung Quốc bảo đi theo người này và yêu cầu tắt hết nguồn điện thoại, sau đó người này dẫn đường đưa 10 công dân Trung Quốc đi bộ theo đường mòn đi một ngày đêm rồi qua khu vực có hàng rào thép gai thuộc biên giới Trung Quốc - Việt Nam, đến đêm muộn ngày 19/7/2022, số công dân trên được bố trí trốn ở trên rừng để chờ xe và người đến đón.

Khoảng 24 giờ ngày 19/7/2022, Lầu Mí L đến nhà Sùng Mí G, để lấy xe mô tô gửi ở nhà G và rủ G cùng L đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép

đang trốn ở khu vực thôn P, xã S, huyện M và L hứa sẽ trả tiền công cho G. Sau đó, L lấy xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 23P1-127.35 (xe của L5 con trai L) gửi tại nhà G đi (do nhà L xe mô tô không đi đến được, L thường xuyên gửi 02 xe mô tô tại nhà G). Khoảng 05 phút sau, G sử dụng xe mô tô nhãn hiệu WAVE biển kiểm soát 23P1-126.97 của L gửi ở nhà G đi sau (do xe của G hỏng không đi được). Sùng Mí G đi đến địa phận thuộc thôn P, xã S thì thấy L đang dừng xe ở lề đường, G cũng dừng xe, L bảo G: “Đứng ở đây đợi, tỳ họ đến thì đưa đi, còn tiền thì họ đến thỏa thuận rồi về nhà anh đưa cho em sau”. L và G đợi khoảng 01 giờ đồng hồ thì có một nhóm người Trung Quốc cả nam và nữ đi từ đường mòn phía Trung Quốc xuống đường nhựa, L nói chuyện với những người này bằng tiếng Trung Quốc, rồi L nói với G có tất cả 10 người Trung Quốc. Sau đó L và G mỗi người sử dụng 01 xe mô tô chở 03 người, khi đi được khoảng 15 - 20 phút thì L bảo G cho 06 người này xuống xe và trốn tại khu vực phía trên đoạn đường bê tông thuộc địa phận thôn P, xã X, rồi L và G quay lại đón 04 người còn lại. L, G mỗi người chở 02 người, tiếp tục đi đến nơi có 06 người đang trốn (ở khu vực thôn P, X), Lầu Mí L gọi 02 người đi bộ xuống rồi lên xe G và L (lúc này mỗi xe chở 03 người), khi đi đến khu vực ngã ba đường đi thị trấn M - Đ - xã X, thuộc địa phận xã P, huyện M, L và G dừng xe (mỗi xe cho 01 người xuống) trốn vào nương ngô gần đó rồi tiếp tục chở 04 người đi đến địa phận thôn T, thị trấn M, huyện M, cho số người này trốn vào nương ngô chờ. L bảo G quay lại đón 02 người đang trốn ở nương ngô thuộc xã P đến để tập trung tại địa phận thôn T, thị trấn M, còn L quay lại đón 04 người còn lại, sau đó G cùng 06 người trốn tại nương ngô.

Đến khoảng 08 giờ ngày 20/7/2022, L gọi điện thoại bảo G quay lại chở người tiếp, G điều khiển xe quay lại, đến đoạn đường gần cầu T, xã G, huyện M thì gặp L chở 01 người phụ nữ, L bảo G chở người này đến thôn T (nơi 06 người Trung Quốc đang trốn trong nương ngô) để L quay lại đón tiếp 03 người còn lại, G chở người phụ nữ đến T và cùng trốn tại đây (lúc này có 07 người Trung Quốc).

Khoảng 13 giờ cùng ngày, khi Lầu Mí L đang điều khiển xe mô tô theo hướng từ thị trấn M đi xã X, đến khu vực thôn K II thì bị tổ công tác Công an huyện M, Đoàn Biên phòng X phát hiện, yêu cầu L dừng xe để kiểm tra. Qua đấu tranh khai thác, Lầu Mí L thừa nhận vừa chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam từ biên giới thuộc địa phận thôn P, xã S đưa đến khu vực thôn T, thị trấn M, huyện M và L đang trên đường đi đón ba người Trung Quốc còn lại. Tổ công tác yêu cầu L đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã X, huyện M để làm rõ, lợi dụng sơ hở L đã bỏ chạy vào nương ngô trốn thoát. Tổ công tác tiếp tục tuần tra kiểm soát khu vực thôn P, xã X, phát hiện ba công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, tổ công tác tiến hành lập biên bản sự việc và đưa ba người Trung Quốc về trụ sở Công an huyện M để làm việc. Sùng Mí G do chờ không thấy L quay lại nên khoảng 15 giờ cùng ngày G điều khiển xe mô tô đi theo hướng từ thị trấn M đi xã X, thì bị tổ công tác Công an huyện M, Đoàn Biên phòng X phát hiện yêu cầu G dừng xe để kiểm tra. Qua đấu tranh khai thác Sùng Mí G nhận đã cùng Lầu Mí L chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam,

từ biên giới thuộc địa phận P, xã S đưa đến khu vực thôn T, thị trấn M, huyện M. Tổ công tác đã yêu cầu G đến trụ sở Công an huyện để làm việc.

Căn cứ lời khai của Lầu Mí L, Sùng Mí G, Công an huyện Mèo Vạc tổ chức lực lượng truy tìm số công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Khoảng 20 giờ ngày 20/7/2022, tại chốt kiểm dịch xã N, huyện M phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Ford, loại xe Transit, 16 chỗ ngồi, biển kiểm soát 23F-000.04 do Nguyễn Toàn T1, cư trú tại tổ 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang điều khiển đi theo hướng xã L, huyện B, tỉnh Cao Bằng có dấu hiệu nghi vấn. Tổ công tác yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện trên xe ô tô có 07 công dân Trung Quốc không có giấy tờ hợp pháp. Tổ công tác tiến hành lập biên bản và yêu cầu Nguyễn Toàn T1 đưa toàn bộ số người trên và phương tiện về trụ sở Công an huyện M để làm việc. Qua lấy lời khai Nguyễn Toàn T1 cho biết, T1 làm nghề dịch vụ taxi, ngày 20/7/2022, được một người đàn ông không quen biết gọi điện thoại từ số **0333.297.603** thuê chở 07 người đi từ thôn T, thị trấn M đến cầu L, huyện B, tỉnh Cao Bằng để đi đám hiếu, tiền công chở người thỏa thuận là 2.000.000đ, T1 nhận lời và sử dụng xe ô tô nêu trên chở 07 người đi B, Cao Bằng, khi đi đến xã N, huyện M thì bị tổ công tác Công an huyện M yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện 07 người trên xe ô tô của T1 là người Trung Quốc, không có giấy tờ nhập cảnh. T1 không biết 07 người trên là người Trung Quốc, mục đích đi đâu, làm gì.

Ngày 22/7/2022, Cơ quan An ninh điều tra tiến hành cho bị cáo Sùng Mí G tiến hành nhận dạng qua ảnh người Trung Quốc mà bị cáo được đón, chở bằng xe mô tô từ khu vực biên giới Trung Quốc - Việt Nam đi đến khu vực thuộc địa phận thôn T, thị trấn M, huyện M. Kết quả nhận dạng: Bị cáo Sùng Mí G nhận ra 02 người bị cáo được đón, chở họ; tiến hành cho 10 công dân Trung Quốc nhận dạng qua ảnh đối với Sùng Mí G, kết quả: 05 người nhận ra G là người đón, 03/05 người được G dùng xe mô tô chở từ khu vực giáp biên giới Trung Quốc - Việt Nam đến thị trấn M. Tiến hành cho số công dân Trung Quốc nhận dạng qua ảnh đối với bị cáo Lầu Mí L, kết quả 10/10 người đều nhận ra L là người đón tại biên giới Trung Quốc rồi đưa họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

Ngày 05/12/2022, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang có văn bản yêu cầu số 24/YC-ANĐT gửi đến Chi nhánh Viettel Hà Giang “*V/v cung cấp chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử*”.

Ngày 16/01/2023, tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội VIETTEL HÀ GIANG có văn bản số: 283/HGG-CTr “*V/v phối hợp cung cấp thông tin thuê bao*”. Kết quả xác định được số thuê bao: 0868889142 do Lầu Mí L sử dụng (*tên thuê bao là Sùng Thị D*), thẻ hiện đêm 19 rạng ngày 20/7/2022 bị cáo Lầu Mí L với bị cáo Sùng Mí G (*thuê bao số 0925606714*) cho đến trước khi bị bắt có nhiều cuộc điện thoại liên lạc qua lại với nhau.

Ngày 26/12/2022, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số: 07/QĐ-ANĐT đến Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định dữ liệu điện tử.

Ngày 30/01/2023, Viện khoa học hình sự, Bộ Công an có kết luận giám định số 9053/KL-KTHS, kết luận: Đối tượng giám định gồm, 06 (*sáu*) tệp video

lưu trữ trong điện thoại nhãn hiệu Vivo thu giữ của Lầu Mí L, được khởi tạo từ chính máy điện thoại Vivo nêu trên, thời gian khởi tạo các video khớp với các tệp video lưu trữ trong bộ sưu tập điện thoại Vivo của Lầu Mí L.

Cáo trạng số 09/CT-VKSHG-P1, ngày 31/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Lầu Mí L và Sùng Mí G về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*” theo điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Lầu Mí L và Sùng Mí G khai nhận: Giữa các bị cáo không quen biết với 10 công dân người Trung Quốc, khoảng 05 giờ sáng ngày 20/7/2022, L đi mua thuốc cho cháu nội bị ốm thì gặp 01 người đàn ông Trung Quốc tại thôn Lẻ Chá Phìn B, giáp thôn P, xã S, huyện M. Người đàn ông này đặt vấn đề thuê L chở 10 công dân Trung Quốc vào thị trấn huyện M với giá 500.000đ/1 người. Sau khi nhận lời người đàn ông này, L đã gọi điện trao đổi với G là em cậu của L, rồi cùng G mỗi người đi 01 xe máy đến chở lần lượt 10 công dân Trung Quốc đi từng chặng đường, khi L quay lại đón lượt cuối cùng thì bị cơ quan chức năng phát hiện và bắt giữ, lợi dụng sự sơ hở của tổ công tác, Lầu Mí L đã bỏ trốn, sau đó ra đầu thú; còn Sùng Mí G đứng chờ lâu không thấy L đến đón nên đã quay lại tìm L thì bị tổ công tác phát hiện, bắt giữ.

Bà Sùng Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Bà là vợ của bị cáo Lầu Mí L, là chị gái ruột của bị cáo Sùng Mí G, việc các bị cáo phạm tội như thế nào bà không biết, không được bàn bạc. Tuy nhiên, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ của gia đình bà 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave, biển kiểm soát 23P1 - 126.97 mang tên Lầu Mí L, nguồn gốc số tiền mua xe là của con trai bà với bị cáo L làm thuê bên Trung Quốc gửi tiền về. Vì vậy, bà C đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bà chiếc xe máy biển kiểm soát 23P1 - 126.97, để làm phương tiện đi lại, phục vụ gia đình.

Người làm chứng Nguyễn Toàn T1 có mặt tại phiên tòa trình bày: Anh làm nghề lái xe, ngày 20/7/2022, anh được một người đàn ông gọi từ số điện thoại 0333.297.603 đến thuê chở 07 người đi từ thôn T, thị trấn M đến cầu L, huyện B, tỉnh Cao Bằng để đi đám ma, tiền công chở người thỏa thuận là 2.000.000đ, nên anh đã sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Ford Transit, màu sơn ghi vàng, loại xe 16 chỗ, biển kiểm soát 23F-000.04 chở 07 người đi đến xã N, huyện M thì bị tổ công tác Công an huyện M dừng xe, kiểm tra. Lúc này, anh T1 mới biết 07 người trên xe ô tô là công dân Trung Quốc, không có giấy tờ nhập cảnh. Thực tế anh không quen biết họ và không biết mục đích của họ đi đâu làm gì. Toàn bộ tài sản anh bị thu giữ trong giai đoạn điều tra, sau khi chứng minh không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo anh đã được trả lại nên anh T1 không có ý kiến đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lầu Mí L, Sùng Mí G. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội, vai trò; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo: Lầu Mí L, Sùng Mí G phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lầu Mí L, Sùng Mí G;

- Xử phạt bị cáo Lầu Mí L từ 06 (*sáu*) năm đến 06 (*sáu*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (*ngày 13/11/2022*).

- Xử phạt bị cáo Sùng Mí G từ 05 (*năm*) năm đến 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (*ngày 27/7/2022*).

* *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lầu Mí L, Sùng Mí G.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

- *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm*:

+ 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe, không kiểm tra máy bên trong của xe, biển kiểm soát 23P1-126.97, có số khung RLHJA3855NY113003; số máy JA52E0382343, xe cũ, đã qua sử dụng;

+ 01 (*một*) chìa khóa màu ghi trắng có chữ Q810, cán màu đen, hai mặt có chữ HONDA; trên cán có treo 01 vòng kim loại có gắn 01 đoạn dây xích dài khoảng 3cm có treo 01 mảnh nhựa hình trái tim và 01 mảnh nhựa hình chiếc lá.

- *Tịch thu tài sản các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng gồm*:

+ 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có dòng chữ VIVO V1732A Designed by vivo, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng bên trong của điện thoại. Bị cáo Sùng Mí G sử dụng để liên lạc với Lầu Mí L trong việc đón, đưa 10 công dân Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam trái phép.

+ 01 (*một*) điện thoại di động màn hình cảm ứng mặt trước màu đen, mặt sau viền màu tím và có dòng chữ VIVO, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra tình trạng hoạt động bên trong điện thoại. Bị cáo Lầu Mí L sử dụng để liên lạc với Sùng Mí G trong việc tổ chức đưa người Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam trái phép.

4. *Về án phí*: Đề nghị miễn án phí cho các bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Xuân G là người bào chữa cho bị cáo Lầu Mí L trình bày: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Lầu Mí L về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*” theo điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị

cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lầu Mí L 06 (sáu) năm tù, theo mức án nhẹ nhất Kiểm sát viên đã đề nghị. Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Luật sư Cao Xuân B là người bào chữa cho bị cáo Sùng Mí G trình bày: Nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Sùng Mí G về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*” theo điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, bị cáo G tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo L, thực hiện tội phạm theo sự xúi giục, rủ rê của L; bản thân bị cáo G là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; từ khi bị bắt giữ đến nay bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo G được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt là 05 năm tù như Kiểm sát viên đã đề nghị, để bị cáo sớm được trở về, giúp ích cho gia đình và xã hội. Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo Sùng Mí G theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận: Các bị cáo nhất trí với quan điểm của người bào chữa, không tham gia tranh luận bổ sung gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*” là vi phạm pháp luật, nên rất hối hận về hành vi phạm tội của mình. Do sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, trình độ nhận thức về pháp luật còn hạn chế, điều kiện kinh tế khó khăn dẫn tới phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, những người được triệu tập đến phiên tòa đều có mặt đầy đủ. Các bị cáo; người bào chữa cho bị cáo không ai đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác. Vì vậy, căn cứ Điều 291, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Sùng Mí G đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình

như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố. Riêng bị cáo Lầu Mí L khai nhận bị cáo tình cờ gặp được người đàn ông Trung Quốc vào khoảng 05 giờ sáng ngày 20/7/2022 tại thôn Lẻ Chá Phìn B, giáp thôn P, xã S, huyện M, người này đặt vấn đề thuê bị cáo đưa ông cùng 09 công dân Trung Quốc khác đi từ thôn Lẻ Chá Phìn B, xã S, đến trung tâm thị trấn M với giá 500.000đ/1 người. Sau khi nhận lời, bị cáo đã gọi điện cho Sùng Mí G tham gia cùng. Bị cáo không nhất trí với nội dung Cáo trạng cho rằng, bị cáo tham gia đón 10 công dân Trung Quốc từ ngày 19/7/2022 tại vùng biên giới Trung Quốc - Việt Nam. Đối với các video lưu trong điện thoại của bị cáo về hình ảnh 10 công dân Trung Quốc trên đường nhập cảnh trái phép vào Việt Nam bị cáo không biết vì sao lại có trong bộ sưu tập của chiếc điện thoại bị cáo sử dụng. Có một lần, 1 người đàn ông người Trung Quốc do điện thoại bị hết pin nên đã mượn điện thoại của bị cáo sử dụng, còn việc người đó quay video, chụp ảnh hay nhận các đoạn video này từ điện thoại khác chuyển tới hay không thì bị cáo không xác định được, sau này Cơ quan điều tra mở lại cho bị cáo xem thì bị cáo mới được biết.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Lầu Mí L có thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng không đầy đủ diễn biến hành vi, việc bị cáo không thừa nhận bị cáo đã trực tiếp tham gia đón 10 công dân Trung Quốc ngay từ biên giới đến thôn Lẻ Chá Phìn B, giáp thôn P, xã S, huyện M là mâu thuẫn với các chứng cứ khác. Bởi lẽ, quá trình nhận dạng 10/10 người Trung Quốc đều nhận ra Lầu Mí L là người đàn ông Việt Nam giao tiếp với họ bằng tiếng Trung Quốc, rồi đón họ tại biên giới nhập cảnh vào Việt Nam từ ngày 19/7/2022, đồng thời L cũng là người tham gia dùng xe máy chở họ di chuyển về hướng thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Mặt khác, tại kết luận giám định số 9053/KL-KTHS, ngày 30/01/2023, Viện khoa học hình sự, Bộ Công an, kết luận: *"Đối tượng giám định gồm, 06 (sáu) tệp video lưu trữ trong điện thoại nhãn hiệu Vivo thu giữ của Lầu Mí L, được khởi tạo từ chính máy điện thoại Vivo nêu trên, thời gian khởi tạo các video khớp với các tệp video lưu trữ trong bộ sưu tập điện thoại Vivo của Lầu Mí L"*. Theo đó, toàn bộ những đánh giá, nhận định trong Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đối với hành vi phạm tội của bị cáo Lầu Mí L và Sùng Mí G là có cơ sở pháp lý vững chắc, bảo đảm tính khách quan, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án...

[5]. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/7/2022, bị cáo Lầu Mí L, kết nối với người môi giới phía bên Trung Quốc (*không biết tên, địa chỉ*) đón 10 công dân Trung Quốc có địa chỉ khác nhau gồm: ⁽¹⁾ AN YU XING (An Vũ T); ⁽²⁾ ZHOU ZI ZI (Châu Tự L3); ⁽³⁾ HUANG DONG LING (Hoàng Đông L4); ⁽⁴⁾ TAN SHENG (Đàm T2); ⁽⁵⁾ YU WEN DING (Dư Văn Đ1); ⁽⁶⁾ QIN LIAO WEI (Đàm Liễu D); ⁽⁷⁾ CHEN ZI HUA (Trần Tử H); ⁽⁸⁾ ZENG NING DIAN (Đặng Ninh Đ2); ⁽⁹⁾ LIU JIANG SONG (Lưu Giang T2); ⁽¹⁰⁾ CHEN ZHEN FU (Trần Trấn P), tại biên giới Trung Quốc rồi đưa họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Vào 00 giờ ngày 20/7/2022, bị cáo Lầu Mí L rủ Sùng Mí G, (*em vợ của L*), cùng L đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đang trốn ở khu vực thôn P, xã S, huyện M và L hứa sẽ trả tiền công cho G. Lầu Mí L lấy xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 23P1-127.35, là xe của Lầu Mí L5 (*con trai L*) đi trước, khoảng 05 phút sau G sử dụng xe mô

tô nhân hiệu WAVE biển kiểm soát 23P1-126.97 của L gửi ở nhà G đi sau. L và G đứng chờ tại thôn P, xã S, L nói với G: “*Đứng ở đây đợi, tỳ họ đến thì đưa đi, còn tiền thì họ đến thoả thuận rồi về nhà anh đưa cho em sau*”. L và G đợi khoảng 01 giờ đồng hồ thì có một nhóm người Trung Quốc cả nam và nữ đi từ đường mòn phía Trung Quốc xuống đường nhựa, rồi L nói cho G biết có tất cả 10 người Trung Quốc. Sau đó, L và G mỗi người sử dụng 01 xe mô tô chở 03 người, chở làm nhiều chuyến để đi sâu vào thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Bị cáo Lầu Mí L và Sùng Mí G chia theo từng tốp để chở đi từng đoạn đường rồi cho họ xuống xe trốn vào nương ngô chờ. Khi đón được 07 người đưa đến thôn T, thị trấn M, huyện M thì G cùng trốn tại đây với họ. Còn bị cáo L quay lại đón tiếp 3 người còn lại thì bị tổ công tác Công an huyện M và Đoàn Biên phòng X phát hiện yêu cầu về trụ sở UBND xã X để làm việc. Sùng Mí G do chờ không thấy L quay lại nên khoảng 15 giờ cùng ngày điều khiển xe mô tô đi theo hướng từ thị trấn M đi xã X, thì bị tổ công tác Công an huyện M, Đoàn Biên phòng X phát hiện, yêu cầu về trụ sở xã để làm rõ.

[6]. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Lầu Mí L, Sùng Mí G về tội “*Tổ chức cho người nhập cảnh Việt Nam trái phép*”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 05 (năm) năm đến 10 (mười) năm tù.

[7]. *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo Lầu Mí L, Sùng Mí G không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8]. *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo Sùng Mí G trong các giai đoạn tố tụng đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải. Đối với bị cáo Lầu Mí L, mặc dù không thừa nhận hết hành vi phạm tội của mình, nhưng ngay từ khi bị tổ công tác yêu cầu kiểm tra theo thủ tục hành chính, bị cáo đã khai nhận đang trên đường đi đón những người Trung Quốc còn lại nhập cảnh vào Việt Nam trái phép. Đồng thời, từ lời khai của bị cáo L và bị cáo G, Cơ quan điều tra đã truy vết tìm được 10 công dân Trung Quốc tại các địa điểm khác nhau trên địa phận huyện M để phục vụ công tác điều tra và trao trả họ về nước bạn Trung Quốc. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn cân nhắc, xem xét đánh giá về sự thành khẩn khai báo của bị cáo trong tổng thể vụ án và cho bị cáo L được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” như bị cáo G. Ngoài ra, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; trình độ hiểu biết và nhận thức về pháp luật còn hạn chế; bị cáo L được áp dụng thêm tình tiết “*đầu thú*”. Vì vậy, bị cáo Lầu Mí L, Sùng Mí G cùng được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9]. Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức cho người khác nhập cảnh vào Việt Nam trái phép là vi phạm pháp luật, hay nói cách khác việc nhập cảnh phải được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, song vì động cơ, mục đích vụ lợi, bất chấp quy định của pháp luật các bị cáo đã thực hiện hành vi tổ chức cho 10 người Trung Quốc

nhập cảnh vào Việt Nam trái phép. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước về lĩnh vực nhập cảnh; xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước, phần nào ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc, cũng như tình hình an ninh biên giới. Hơn nữa, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời điểm bệnh dịch Covid-19 của 2 nước Việt Nam và Trung Quốc đang bùng phát và còn nhiều diễn biến phức tạp. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với cả 02 bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo, đồng thời có ý nghĩa răn đe, phòng ngừa chung.

[10]. Về vai trò của các bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội: Bị cáo Lầu Mí L là người trực tiếp nhận lời từ người môi giới bên Trung Quốc, sau đó rủ rê bị cáo Sùng Mí G tham gia phạm tội cùng, nên bị cáo L được đánh giá là người giữ vai trò chủ mưu, khởi sự trong vụ án; đồng thời bị cáo cũng là người cùng với Sùng Mí G trực tiếp đưa 10 công dân có quốc tịch Trung Quốc từ biên giới vào Việt Nam để tìm đường đi sang các nước Lào, Campuchia với mục đích làm thuê, nên cần phải xử lý bị cáo Lầu Mí L mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với bị cáo Sùng Mí G mới bảo đảm nguyên tắc cá thể hóa hình phạt trong pháp luật hình sự, tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội từng bị cáo đã gây ra.

[11]. Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

[12]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra chứng minh được các bị cáo đã sử dụng điện thoại di động để kết nối, thỏa thuận bàn bạc với nhau về thời gian, địa điểm đón 10 công dân Trung Quốc, đồng thời sử dụng xe máy làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 23P1-126.97, có số khung RLHJA 3855NY113003, số máy JA52E0382343, kèm theo 01 (một) chìa khóa màu ghi trắng có chữ Q810, cán màu đen, hai mặt có chữ HONDA. Đối với 02 chiếc điện thoại di động ViVo, màn hình cảm ứng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[13]. Về số tiền thu lời bất chính: Mặc dù giữa bị cáo L và người Trung Quốc thỏa thuận tiền công chở là 500.000đ/ 1 người, nhưng do hành vi phạm tội của các bị cáo bị cơ quan chức năng phát hiện và ngăn chặn kịp thời nên L và G chưa đưa đủ 10 công dân Trung Quốc đến địa điểm như đã thỏa thuận, do đó các bị cáo chưa nhận được tiền công. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập truy thu số tiền các bị cáo phạm tội mà có.

[14]. Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[15]. Đối với ý kiến của bà Sùng Thị C, đề nghị được trả lại cho bà 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 23P1 - 126.97, bị cáo Sùng Mí G đã sử dụng để chở các công dân Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam trái phép. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 23P1 - 126.97 là tài sản chung vợ chồng giữa bà C và bị cáo L, bà C không có lỗi trong việc cho các bị cáo L và G sử dụng xe máy vào việc phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, *"công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội"* bị sung vào ngân sách nhà nước, nếu không còn giá trị sử dụng thì bị tịch thu tiêu hủy. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của bà Sùng Thị C, bà C có quyền khởi kiện yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại trong vụ án dân sự khác, nếu các bên có tranh chấp.

[16]. Đối với anh Nguyễn Toàn T1, sinh năm 1984, trú tại tổ 3 thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang được một người đàn ông không quen biết gọi điện thoại từ số 0333.297.603, thuê chở 07 người từ khu vực thôn T, thị trấn M, đến cầu L, huyện B, tỉnh Cao Bằng để đi viếng đám ma, tiền công chở người thuê là 2.000.000đ/07 người. Do anh T1 làm nghề lái xe dịch vụ nên khi được thuê anh T1 đã nhận lời và chở người theo như thỏa thuận, thời gian anh T1 đón 07 người tại khu vực thôn T, thị trấn M do trời tối, sau khi khách người lên xe anh T1 điều khiển xe chở khách đi, quá trình đi không nói chuyện, do vậy anh T1 không biết 07 người khách là người Trung Quốc, mục đích đi đâu làm gì; anh T1 cũng chưa nhận được tiền công chở thuê. Sau khi bị tổ công tác Công an huyện M dừng xe kiểm tra thì anh T1 mới biết 07 người khách là người Trung Quốc không có giấy tờ hợp pháp. Do vậy, Cơ quan An ninh điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Nguyễn Toàn T1 là có căn cứ.

[17]. Đối với anh Lâu Mí N, sinh năm 2000, trú tại thôn Q, xã L, huyện M. Năm 2021, anh Ná mua, đăng ký và sử dụng thuê bao 0333.297.603, tuy nhiên khoảng đầu năm 2022 anh Ná bị mất điện thoại nên không sử dụng thuê bao số 0333.297.603 nữa. Do vậy, không đủ căn cứ xác định được người sử dụng thuê bao 0333.297.603 gọi điện thuê Thắng chở 07 người Trung Quốc là ai. Cơ quan An ninh điều tra không xem xét trách nhiệm đối với anh Lâu Mí Ná là có căn cứ.

[18]. Đối với 10 công dân Trung Quốc, các công dân này đều không có giấy tờ xuất, nhập cảnh, lưu trú hợp pháp tại Việt Nam. Quá trình điều tra xác định, họ có mục đích nhập cảnh vào Việt Nam để sang các nước thứ ba như Campuchia, Lào hoặc sang biên giới Việt Nam - Trung Quốc lao động, làm thuê. Căn cứ cơ chế hợp tác cảnh vụ giữa Công an tỉnh Hà Giang với Công an tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, sau khi thực hiện xong các biện pháp cách ly, ngày 08/8/2022, Phòng quản lý xuất, nhập cảnh, Công an tỉnh Hà Giang đã trao trả 10 công dân trên cho Công an Trung Quốc qua cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy - Thiên Bảo, đồng thời xây dựng hàm thư trao đổi thông tin đề nghị xử lý 10 công dân này là phù hợp.

[19]. Đối với người thứ ba điều khiển xe mô tô đón số người Trung Quốc (theo lời khai của những người Trung Quốc: Có 03 người đi 03 xe máy đến đón)

nhưng số người trên không nhớ đặc điểm người và xe, quá trình điều tra hai bị cáo Sùng Mí G và Lầu Mí L đều khẳng định chỉ có G và L đón số người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, ngoài ra không có ai khác. Do chưa đủ thông tin nên Cơ quan ANĐT tách các tài liệu có liên quan để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ là phù hợp.

[20]. Đối với các đối tượng liên quan khác sử dụng các số điện thoại Trung Quốc gọi đến số 0868.889.142 của Lầu Mí L, Cơ quan ANĐT không có điều kiện xác minh thông tin, lai lịch của những người này là có căn cứ.

[21]. Đối với người đàn ông vẫy xe ô tô anh Nguyễn Toàn T1 để đón 07 người Trung Quốc lên xe, do chưa đủ thông tin nên Cơ quan ANĐT tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ khi có căn cứ là phù hợp.

[22]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đề nghị của Kiểm sát viên về điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với từng bị cáo, việc xử lý vật chứng và án phí là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên được chấp nhận.

[23]. Đối với luận cứ của Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Xuân G bào chữa cho bị cáo Lầu Mí L và luận cứ của Luật sư Cao Xuân B bào chữa cho bị cáo Sùng Mí G là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[24]. Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Lầu Mí L, Sùng Mí G phạm tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép Việt Nam*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lầu Mí L, Sùng Mí G;

- Xử phạt bị cáo Lầu Mí L 06 (*sáu*) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ (*ngày 13/11/2022*).

- Xử phạt bị cáo Sùng Mí G 05 (*năm*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt giữ (*ngày 27/7/2022*).

* *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lầu Mí L, Sùng Mí G.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau:

- *Tịch thu sung ngân sách Nhà nước phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm:*

+ 01 (*một*) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 23P1-126.97, có số khung RLHJA 3855NY113003, số máy JA52E0382343, xe đã cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe.

+ 01 (một) chìa khóa màu ghi trắng có chữ Q810, cán màu đen, hai mặt có chữ HONDA; trên cán có treo 01 vòng kim loại có gắn 01 đoạn dây xích dài khoảng 3cm, có treo 01 mảnh nhựa hình trái tim và 01 mảnh nhựa hình chiếc lá.

- *Tịch thu tài sản, đồ vật các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng gồm:*

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, mặt sau có dòng chữ VIVO V1732A Designed by vivo, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong của điện thoại.

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng mặt trước màu đen, mặt sau viền màu tím và có dòng chữ VIVO, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn, không kiểm tra được tình trạng bên trong điện thoại.

(Như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang ngày 31/3/2023).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC 01, PA09, PV 06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vương Thị Thu Hà